

QUAN ĐIỂM XÃ HỘI VỀ CÁC VẤN ĐỀ ĐA DẠNG GIỚI VÀ TÍNH DỤC TẠI VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

Nghiên cứu **“Quan điểm xã hội về các vấn đề đa dạng giới và tính dục tại Việt Nam”** được thực hiện bởi **Viện iSEE** và **Viện Xã hội học và Tâm lý học**, với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của **Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP)** tại Việt Nam.

Nghiên cứu cho thấy nhận thức và mức độ chấp nhận của xã hội Việt Nam đối với cộng đồng LGBTI đã được cải thiện rõ rệt. Phần lớn người dân cho rằng đa dạng giới và tính dục, cụ thể là đồng tính và chuyển giới, không phải là bệnh lý, cũng không phải là sự lệch chuẩn, và người dân cảm thấy tương đối thoải mái, bình thường khi tiếp xúc với người LGBTI. Tỷ lệ ủng hộ hôn nhân cùng giới và với các quyền cụ thể của các cặp đôi cùng giới tương đối cao.

VAI TRÒ CỦA NGHIÊN CỨU

Cập nhật dữ liệu

Dữ liệu toàn diện về nhận thức, thái độ và quan điểm của người dân với đa dạng giới & tính dục

Đo lường ý kiến

Đo lường mức độ và sự khác biệt trong ý kiến của người dân được trưng cầu đối với các vấn đề đa dạng giới và tính dục

Phân tích yếu tố tác động

Phân tích các yếu tố tác động đến thái độ ủng hộ hay không ủng hộ của người dân đối với các vấn đề đa dạng giới và tính dục

Đóng góp bằng chứng khoa học

Cho các bên liên quan trong việc xây dựng và sửa đổi chính sách, đặc biệt là dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính, Luật Bình đẳng giới và Luật Hôn nhân và gia đình

PHƯƠNG PHÁP

Chọn mẫu: Cá nhân từ 18–69 tuổi đang sinh sống tại hộ gia đình hoặc nơi cư trú tạm thời tại thời điểm khảo sát. Ngẫu nhiên theo Tỉnh/Thành phố - Xã/Phường - Hộ Gia Đình



Biểu đồ 1: Quy mô mẫu phân tầng

THU THẬP DỮ LIỆU

Thu thập dữ liệu định lượng:



Sử dụng bảng hỏi điện tử được cài đặt trên điện thoại thông minh. Người phỏng vấn sẽ tiến hành phỏng vấn trực tiếp và nhập dữ liệu ngay trong quá trình phỏng vấn.

Quản lý và xử lý dữ liệu:



Thông tin được truyền trực tiếp về máy chủ trung tâm để giám sát chất lượng, bảo đảm tính chính xác, bảo mật và kịp thời trong quá trình thu thập.

Nguyên tắc đạo đức:



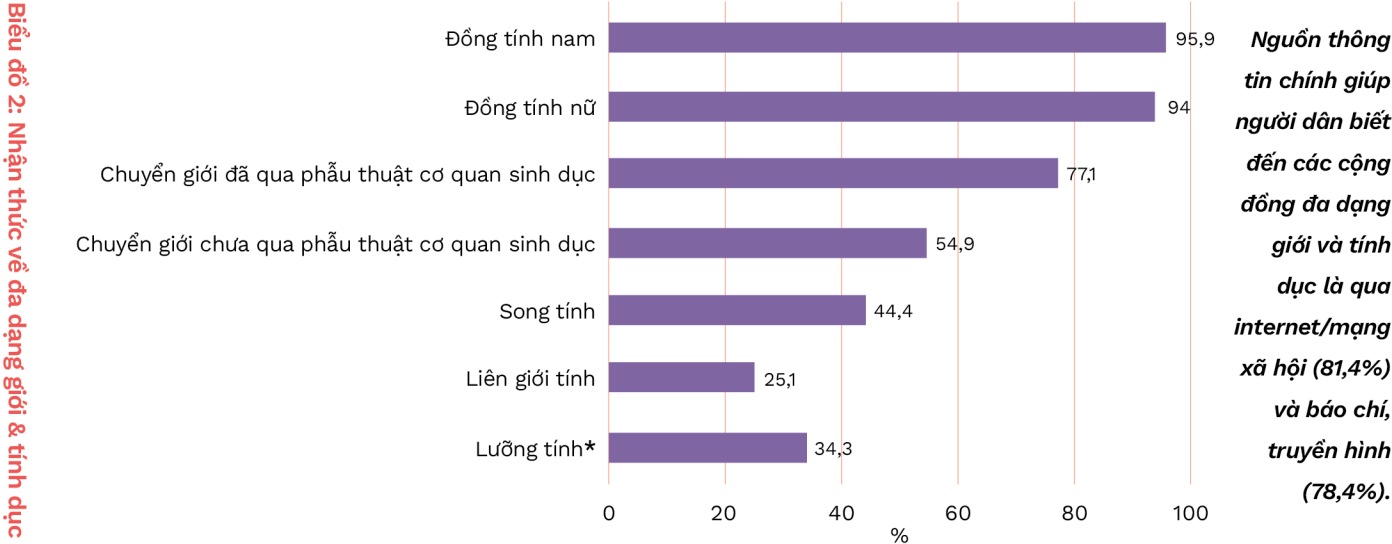
Tất cả thông tin người tham gia cung cấp đều được giữ ẩn danh và chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu.

■ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

■ Nhận thức về đa dạng giới và tính dục

77,9% Người dân cho rằng có tồn tại các giới (tính) khác ngoài nam và nữ.
Tỷ lệ này cao hơn ở nhóm nữ, dưới 40 tuổi và học vấn cao.

Mức độ biết đến các bản dạng và xu hướng tính dục: đồng tính nam (**96,9%**) và đồng tính nữ (**94,9%**) được nhận diện cao nhất; trong khi **liên giới tính/intersex (9,9%)** còn ít phổ biến.



■ Nhận thức và thái độ về người đồng tính

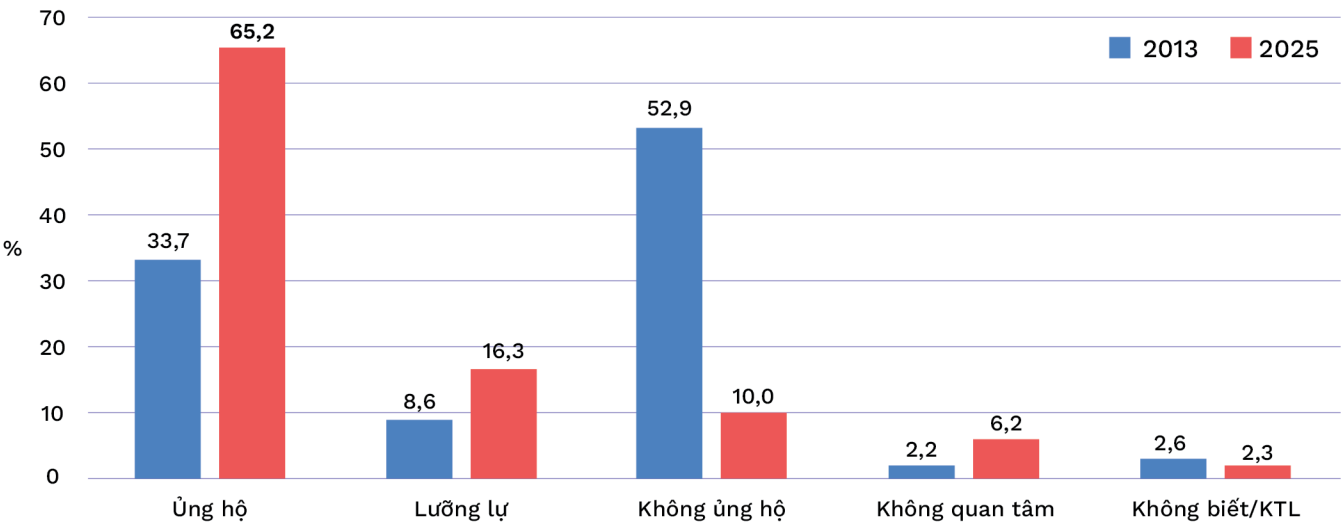
89,9% Cảm thấy “bình thường”, “tương đối thoải mái” hoặc “hoàn toàn thoải mái” khi giao tiếp với người đồng tính.

89,7% Người dân đã nghe/biết về việc hai người cùng giới sống chung như vợ chồng.

69,0% Coi đồng tính không phải là bệnh hoặc hành vi lệch chuẩn - tỷ lệ này cao nhất ở nhóm 18-39 tuổi (**76,2%**), thấp nhất ở nhóm 54-69 tuổi (**56,3%**), và cao hơn ở nữ (**71,9%**) so với nam (**65,9%**).

■ Nhận thức pháp luật và quan điểm về hôn nhân cùng giới

65,2% Người dân ủng hộ hôn nhân cùng giới.



Biểu đồ 3: Ủng hộ hay không ủng hộ việc Pháp luật công nhận hôn nhân cùng giới (2013 so với 2025)

65,2% người dân ủng hộ hôn nhân cùng giới (HNCG), trong khi tỷ lệ phản đối chỉ ở mức **10%**. **Nói cách khác, cứ 10 người thì có hơn 6 người ủng hộ và chỉ 1 người phản đối.** Quyền ‘cùng nhận con nuôi và nuôi con’ của các cặp đôi cùng giới cũng nhận được sự ủng hộ rất cao (**78,0%**), trong khi chỉ **5,9%** không thừa nhận bất kỳ quyền nào. Mức độ ủng hộ tương đối đồng đều giữa các giới, nhóm tuổi và tình trạng hôn nhân, phản ánh sự ủng hộ rộng rãi và đồng thuận xã hội mạnh mẽ.



■ Nhận thức và thái độ về người chuyển giới

87,8% Thấy bình thường và thoải mái khi tiếp xúc với người chuyển giới. Còn 8,6% thấy e ngại hoặc không thoải mái.

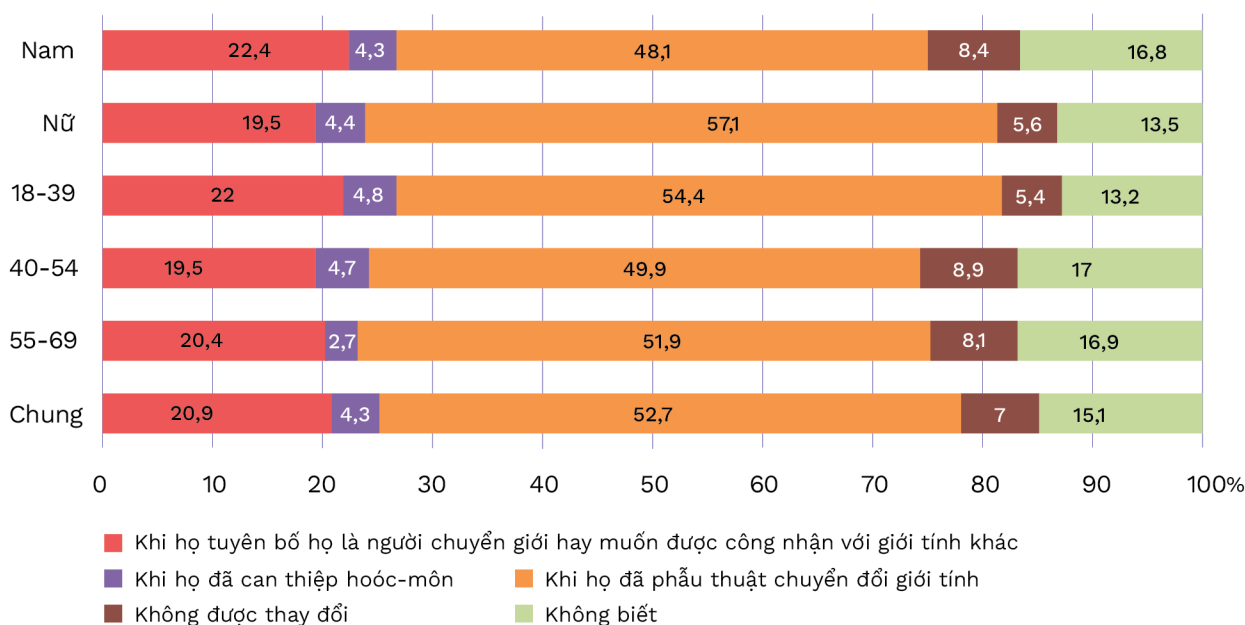
70,9% Cho rằng chuyển giới không phải bệnh và không lệch chuẩn. Thái độ tích cực cao nhất ở nhóm 18-39 tuổi (**77,1%**), thấp nhất ở nhóm 54-69 tuổi (**57,7%**).

43% đã biết người chuyển giới trong thực tế; **51,7%** nghe/đọc qua truyền thông; còn **5,4%** chưa hề biết.

■ Quan điểm về quyền được công nhận giới tính hợp pháp

63,1% Người dân ủng hộ pháp luật cho phép chuyển giới bằng can thiệp y học.

52,7% cho rằng người chuyển giới (NCG) được đổi giới tính trên căn cước công dân (CCCD) khi họ đã phẫu thuật chuyển đổi giới tính. **20,9%** cho rằng khi 1 người tuyên bố họ là NCG hay muốn được công nhận với giới tính khác thì có quyền được đổi giới tính trên CCCD. **7%** cho rằng không được thay đổi.



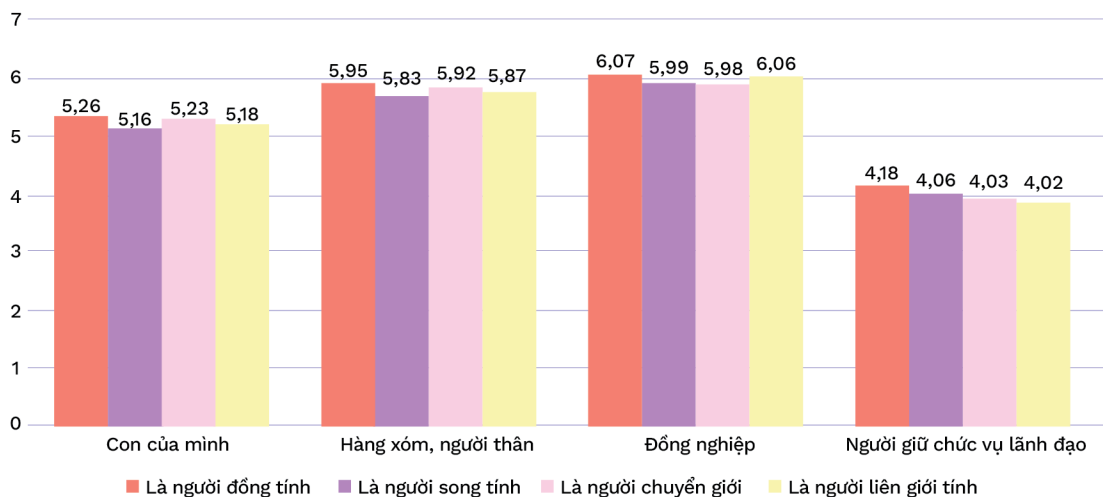
Biểu đồ 4: Nên quy định NCG được thay đổi giới tính trên giấy tờ trong trường hợp nào?

Thay đổi giới tính trên CCCD là quyền được người dân cho rằng nên được công nhận nhất của người chuyển giới (**71.5%**), tiếp theo là Đổi tên trên CCCD (**61,1%**) và Phẫu thuật bộ phận sinh dục (**52,9%**).

Các vấn đề liên quan đến tuổi nghỉ hưu và quy định thai sản đều được phần lớn người dân cho rằng nên được quy định theo giới tính mới của người chuyển giới, với lần lượt tỷ lệ là **55,7%** và **53,4%**.

■ Thái độ đối với các trường hợp giả định có người LGBTI trong gia đình, nơi làm việc và xã hội

Với các tình huống giả định nếu một người xung quanh là người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính, điểm trung bình về mức độ thoải mái của người trả lời dao động từ **4,02 đến 6,07** (trên thang điểm 1–10, trong đó 0 là “*Rất không thoải mái*” và 10 là “*Rất thoải mái*”).



■ KẾT LUẬN

Trong bối cảnh Việt Nam đang rà soát Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới cũng như xây dựng dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính, việc nắm bắt quan điểm và thái độ của xã hội đối với các vấn đề đa dạng giới và tính dục trở nên đặc biệt quan trọng. Đây là cơ sở để đảm bảo rằng khung pháp lý mới không chỉ phù hợp với chuẩn mực quốc tế mà còn phản ánh đúng thực tiễn xã hội và đáp ứng nhu cầu bảo vệ quyền con người.

Khi so sánh với nghiên cứu “*Kết quả trưng cầu ý kiến người dân về hôn nhân cùng giới*” (2013), có thể thấy những bước tiến đáng kể trong hơn một thập kỷ qua:

- Tỷ lệ người dân đã nghe/biết về việc hai người cùng giới sống chung như vợ/chồng tăng mạnh, từ 62,3% lên 89,7% (tăng 27,4%).
- Tỷ lệ ủng hộ hôn nhân cùng giới đã gần tăng gấp đôi, từ 33,7% (2013) lên 65,2% (2025).

Ảnh hưởng của các biến số thành thị - nông thôn, học vấn, nghề nghiệp, mức thu nhập, tình trạng hôn nhân không có ý nghĩa thống kê. **Ngược lại, các đặc điểm vùng miền, giới tính, tuổi, tôn giáo và nhất là nhận thông tin về LGBTI từ truyền thông, Internet, mạng xã hội và biết đồng tính không là bệnh hay lệch chuẩn tác động đáng kể đến việc ủng hộ pháp luật công nhận hôn nhân cùng giới hay quyền chuyển đổi giới tính.**

Những kết quả này khẳng định sự chuyển biến tích cực và nhanh chóng trong nhận thức xã hội về cộng đồng LGBTI tại Việt Nam, đồng thời cho thấy tiềm năng để thúc đẩy các nỗ lực khuyến nghị và tham vấn chính sách, hướng tới các mục tiêu phát triển bao trùm với các nhóm thiểu số về giới và tính dục.

LGBTI Viết tắt của Lesbian (đồng tính nữ), Gay (đồng tính nam), Bisexual (song tính), Transgender (chuyển giới), Intersex (liên giới tính)

TP.HCM Thành phố Hồ Chí Minh

NCG Người chuyển giới

CCCD Căn cước công dân

Vui lòng truy cập: <https://thuvien.lgbt/> để đọc toàn bộ báo cáo nghiên cứu.

Liên hệ: Chương trình Quyền LGBTI

Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE)

Email: lgbt@isee.org.vn

***Lưu ý:** Tại Việt Nam, khái niệm “*lưỡng tính*” thường được người dân sử dụng nhưng đây là một cách gọi chưa chuẩn và dễ gây nhầm lẫn. Tùy ngữ cảnh, “*lưỡng tính*” có thể được hiểu là: Song tính (bisexual): xu hướng tình dục bị hấp dẫn bởi cả nam và nữ hoặc Liên giới tính (intersex): đặc điểm cơ thể không hoàn toàn phù hợp với định nghĩa y khoa về nam hay nữ.